

**DANH SÁCH PHẠT NGUỘI CHẠY QUÁ TỐC ĐỘ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH**

Từ ngày 02/03/2026 đến ngày 08/03/2026

STT	Biển số	Tuyến đường	Địa bàn (xã/phường)
1	30F-78262	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
2	35H-05341	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
3	15K-35443	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
4	29K-09454	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
5	30H-38205	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
6	30B-11642	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
7	30E-09942	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
8	17A-35948	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
9	28H-00709	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
10	12A-10511	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
11	34A-34699	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
12	30A-08204	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
13	98B-14962	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
14	36N-1286	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
15	98A-89756	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
16	29H-94886	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
17	29E-12142	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
18	24A-27702	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
19	99C-33345	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
20	29F-04308	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
21	36A-82107	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
22	29A-94496	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
23	30E-06664	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
24	30A-85670	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
25	30K-09330	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
26	30G-64883	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
27	30G-25023	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
28	14H-08788	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
29	98C-34009	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
30	52P-6982	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
31	99A-27620	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
32	29E-33487	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
33	98A-47767	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
34	30L-88979	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
35	99A-97757	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
36	35A-25073	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du

37	35C-13692	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
38	99B-12795	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
39	30G-40798	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
40	99H-09434	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
41	29A-05822	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
42	30E-49015	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
43	30B-04684	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
44	30G-92599	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
45	90A-30873	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
46	30F-76235	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
47	98B-08576	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
48	18C-15630	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
49	14A-90577	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
50	99B-16554	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
51	23A-08237	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
52	30M-57606	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
53	30K-65746	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
54	19A-69732	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
55	98A-68903	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
56	98A-85337	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
57	99A-84572	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
58	22A-12807	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
59	30A-84653	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
60	30H-59928	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
61	30G-81962	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
62	99A-45327	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
63	98A-64829	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
64	99A-98534	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
65	12A-16584	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
66	14C-37394	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
67	98B-03483	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
68	98C-19879	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
69	98A-54392	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
70	98A-35850	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
71	29H-19401	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
72	99B-17343	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
73	30F-49807	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
74	99H-08096	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
75	26A-02896	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
76	99A-74214	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
77	30G-11595	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du

78	98A-21459	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
79	30G-26648	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
80	30F-97170	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
81	15K-75428	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
82	14H-11055	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
83	99A-84555	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
84	35A-13721	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
85	12A-39996	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
86	29A-75112	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
87	99A-29898	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
88	98A-77625	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
89	34C-40418	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
90	98B-03246	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
91	12A-32417	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
92	30K-38627	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
93	12C-03620	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
94	14A-31909	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
95	14A-45398	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
96	15A-57990	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
97	19A-65396	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
98	29A-61048	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
99	29E-42020	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
100	29K-09458	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
101	30A-86674	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
102	30E-16447	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
103	30F-87911	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
104	30G-28441	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
105	30G-29482	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
106	30H-16990	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
107	30K-54392	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
108	30K-87646	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
109	30L-21171	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
110	30M-36339	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
111	36A-51500	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
112	37A-03682	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
113	37B-20152	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
114	50H-26360	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
115	51L-89631	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
116	60K-29777	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
117	66A-22669	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
118	86A-13794	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du

119	89A-22401	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
120	98A-15995	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
121	98B-13652	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
122	98H-02700	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
123	99A-08699	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
124	99A-13487	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
125	99A-24731	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
126	99A-48687	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
127	99A-49916	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
128	99A-68895	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
129	99A-75098	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
130	99A-99066	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
131	99B-10961	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
132	99B-14948	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
133	99B-22758	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
134	99H-08310	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
135	12A-20802	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
136	29K-00353	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
137	29C-37520	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
138	30K-84885	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
139	29H-25608	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
140	14A-46014	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
141	30G-53467	Quốc lộ 1A	xã Tiên Du
142	15K-161.97	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
143	29E-003.74	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
144	30A-725.52	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
145	30F-288.25	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
146	30G-388.62	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
147	99A-790.13	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
148	29E-021.03	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
149	29E-358.34	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
150	30E-459.41	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
151	30M-356.12	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
152	30M-563.40	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
153	99A-352.12	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
154	99A-799.65	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
155	99A-985.66	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
156	99B-127.41	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
157	14A-637.04	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
158	15K-249.87	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
159	15K-723.93	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu

160	29A-680.34	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
161	29D-586.70	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
162	29E-422.36	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
163	29E-448.00	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
164	29E-471.46	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
165	29H-097.49	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
166	29H-675.19	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
167	30B-300.81	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
168	30E-387.81	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
169	30E-510.14	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
170	30F-906.91	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
171	30K-492.23	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
172	30K-977.89	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
173	30L-438.40	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
174	30L-740.02	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
175	30M-597.03	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
176	30M-928.63	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
177	89A-181.40	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
178	98A-434.79	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
179	99A-376.36	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
180	99A-915.03	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
181	99A-323.91	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
182	29E-426.05	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
183	30L556.17	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
184	29A-397.28	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
185	88B-099.34	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
186	34B-140.71	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
187	22F-005.05	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
188	30K-706.30	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
189	30A-663.73	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
190	89A-741.56	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
191	99H-097.92	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
192	29E-292.90	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
193	22A-366.07	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
194	30H-038.33	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
195	30M-563.40	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
196	29E-069.61	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
197	99A-446.93	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
198	19A-532.92	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
199	99A-090.47	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
200	30E-342.56	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu

201	98A-953.91	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
202	30M-223.15	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
203	89H-039.66	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
204	29E-021.96	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
205	30K-473.25	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
206	99A-792.75	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
207	99H-056.37	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
208	30L-473.22	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
209	34A-662.77	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
210	29H-245.46	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
211	30B-011.57	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
212	20H-014.57	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
213	99E-003.08	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
214	29H-119.99	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
215	30B-693.99	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
216	29K-257.58	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
217	15B-170.80	Km7, Quốc lộ 17	phường Song Liễu
218	14F-011.36	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
219	14K-035.94	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
220	14A-603.46	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
221	30E-023.74	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
222	35A-298.67	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
223	98A-267.62	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
224	99C-295.23	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
225	29H-363.87	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
226	98A-634.51	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
227	98B-109.48	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
228	14A-757.75	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
229	20A-230.73	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
230	98A-069.56	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
231	29A-608.04	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
232	18C-171.44	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
233	98C-345.44	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
234	51L-809.18	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
235	20A-937.06	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
236	98A-830.21	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
237	98A-536.93	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
238	14A-371.35	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
239	98H-051.61	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
240	98C-300.18	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
241	98B-055.20	Quốc lộ 31	xã Sơn Động

242	98B-157.85	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
243	98A-830.39	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
244	14A-770.92	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
245	14A-271.12	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
246	15A-969.47	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
247	20A-916.32	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
248	14A-813.38	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
249	28H-7617	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
250	14A-917.28	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
251	14C-428.81	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
252	14K-039.94	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
253	14A-917.28	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
254	14M-7219	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
255	98A-215.26	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
256	15K-349.38	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
257	30V-4089	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
258	14H-123.31	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
259	198A-607.43	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
260	99B-151.73	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
261	15K-349.38	Quốc lộ 31	xã Sơn Động
262	98A-947.25	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
263	14C-386.57	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
264	99H-054.56	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
265	14A-328.60	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
266	14A-659.00	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
267	14A-923.82	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
268	14A-915.08	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
269	15A-622.77	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
270	98C-089.73	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
271	14A-474.26	Đường tỉnh 293	xã Tây Yên Tử
272	29K-020.19	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
273	30H-10684	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
274	90A-075.29	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
275	98A-554.42	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
276	98A-19119	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
277	98A-22268	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
278	98C-370.73	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
279	99A-206.19	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
280	99B-282.69	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
281	99B-18402	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
282	99H-06945	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn

283	20A-77122	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
284	24A-20977	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
285	30G-438.78	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
286	89A-20825	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
287	98A-16291	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
288	98A-61794	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
289	98A-91120	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
290	98B-09647	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
291	98B-13281	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
292	98C-22248	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
293	98E-00807	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
294	99A-95238	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
295	99B-06504	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
296	99B-14639	Quốc lộ 31	phường Phụng Sơn
297	98M1-306.90	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
298	98B2-102.02	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
299	35A-600.10	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
300	30G-647.46	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
301	98C-300.03	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
302	30E-688.87	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
303	98AE-059.53	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
304	98C-345.68	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
305	98A-766.51	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
306	29H-657.34	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
307	98C-240.46	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
308	98E1-857.41	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
309	30K-231.83	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
310	98B-103.80	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
311	30E-274.06	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
312	15K-703.22	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
313	30K-759.16	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
314	98A-846.91	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
315	15B-031.28	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
316	29A-386.12	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
317	99B-193.45	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
318	98A-275.41	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
319	98A-648.87	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
320	88A-625.41	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
321	99H-084.17	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
322	98B-023.32	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
323	29A-333.26	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương

324	98A-653.94	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
325	98A-726.10	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
326	29D-200.62	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
327	35H-047.74	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
328	98A-506.09	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
329	98G-004.60	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
330	30G-582.77	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
331	98D-009.18	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
332	98A-846.06	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
333	98A-953.25	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
334	98F1-250.96	Quốc lộ 31	Xã Lục Nam
335	98A-545.12	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
336	30A-286.11	Đường tỉnh 293	Xã Nghĩa Phương
337	98B-07948	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
338	29A-839.66	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
339	98A-160.19	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
340	98A-101.22	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
341	15RM-078.27	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
342	98A-936.60	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
343	17A-379.59	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
344	29E-376.47	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
345	15K-747.15	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
346	30L_576.62	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
347	30M-0096	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
348	98A-959.49	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
349	98A-166.21	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
350	98C-220.13	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
351	30H-246.36	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
352	98B-131.42	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
353	30A-575.23	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
354	98A-420.43	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
355	28A-198.34	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
356	98A-342.72	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
357	99A-746.88	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
358	99D-020.82	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
359	30M-020.75	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
360	98A-953.25	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
361	37A-806.58	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
362	98A-058.98	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
363	98C-326.09	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
364	98A-637.39	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh

365	99A-956.17	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
366	30E-673.67	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
367	29H-559.54	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
368	99A-925.07	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
369	98A-826.38	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
370	98A-71446	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
371	98A-593.11	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
372	99A-601.27	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
373	29A-44418	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
374	29B-511.52	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
375	98D-013.24	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
376	99A-814.56	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
377	30A-599.56	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
378	98A-046.94	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
379	99H-08494	Quốc lộ 31	xã Tân Dĩnh
380	98A00749	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
381	30G89706	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
382	35C14590	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
383	34A98595	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
384	98A75010	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
385	30F92144	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
386	88A54014	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
387	98C30256	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
388	50E33427	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
389	98A62069	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
390	15C13127	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
391	34C27032	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
392	99H12646	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
393	34C37616	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
394	34A48581	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
395	34C29354	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
396	29E21438	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
397	34H03420	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
398	14A44207	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
399	98A44663	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
400	34A20687	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
401	14H11703	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
402	34A93765	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
403	99H03696	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
404	29E02257	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
405	98C24818	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng

406	98A09710	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
407	15H08586	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
408	99C28059	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
409	99A62046	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
410	99A98042	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
411	30H66560	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
412	98B03286	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
413	34A58109	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
414	29K05976	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
415	29E29127	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
416	34A26482	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
417	98A33764	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
418	14N1555	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
419	99E01845	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
420	98A68780	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
421	99B20961	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
422	20A30591	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
423	30M52005	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
424	88A33252	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
425	34A64252	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
426	34A99093	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
427	17A15935	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
428	29A29291	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
429	29H13541	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
430	29S1539	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
431	34C37149	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
432	98A08562	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
433	98A19844	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
434	98A26439	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
435	98A34505	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
436	98A50774	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
437	98A53876	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
438	98A72928	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
439	98A78715	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
440	98A78756	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
441	98A80991	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
442	98A97978	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
443	98A58154	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
444	98N67441	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
445	29A63675	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
446	98A07048	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy

447	98A22850	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
448	98A53838	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
449	98A60079	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
450	98A60166	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
451	98A69615	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
452	98A84844	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
453	98A98021	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
454	99A98119	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
455	99A98425	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
456	99B23668	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
457	98B2-41455	Đường Xương Giang	Phường Bắc Giang
458	98B3-81666	Đường Xương Giang	Phường Bắc Giang
459	98M1-32863	Đường Xương Giang	Phường Bắc Giang
460	99AB-76742	Đường Xương Giang	Phường Bắc Giang
461	99H-08409	Đường Xương Giang	Phường Bắc Giang
462	14A32311	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
463	15H23313	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
464	29K29948	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
465	98B14497	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
466	98C27528	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
467	98E00607	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
468	99H10648	Đường tỉnh 299	Phường Cảnh Thụy
469	14A95515	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
470	14H06108	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
471	15C16322	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
472	15H23378	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
473	15RM01499	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
474	29E20152	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
475	29F02779	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
476	34A49986	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
477	34A81117	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
478	34B01287	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
479	34B03664	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
480	34RM00660	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
481	98A91763	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
482	98B33537	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
483	98H07904	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
484	99A08541	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
485	99A72064	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
486	99H04892	Đường tỉnh 398	phường Yên Dũng
487	12AA-093.83	Đường tỉnh 295B	Phường Nénh

488	98AA-403.92	Đường tỉnh 295B	Phường Nénh
489	98B-148.20	Đường tỉnh 295B	Phường Nénh
490	98C-354.35	Đường tỉnh 295B	Phường Nénh
491	98AC-083.33	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
492	73A-236.53	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
493	20A-752.81	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
494	98A-819.73	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
495	98H-042.03	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
496	98D1-718.53	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
497	98F-010.17	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
498	29S-4705	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
499	12A-330.94	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
500	98A-590.66	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
501	30G-388.89	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
502	30F-528.82	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
503	98A-579.97	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
504	98A-240.54	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
505	20H-048.72	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
506	98B-163.74	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
507	98A-012.46	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
508	99H-126.12	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
509	14D-013.35	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
510	98A-562.82	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
511	98LD-008.67	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
512	98A-819.10	Quốc lộ 37	Phường Tự Lạn
513	30G-922.823	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
514	30L-078.27	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
515	99A-921.25	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
516	99A-646.57	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
517	30F-681.37	Đường tỉnh 295	Xã Hợp Thịnh
518	99A-648.61	Đường tỉnh 295	Xã Hợp Thịnh
519	98A-215.95	Đường tỉnh 295	Xã Hợp Thịnh
520	98A-902.44	Đường tỉnh 295	Xã Hợp Thịnh
521	97A-077.71	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
522	98B-145.52	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
523	20G-003.53	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
524	98B-140.20	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
525	99A-985.17	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
526	30F-440.58	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
527	98R-033.22	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
528	20B-025.00	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà

529	98B-833.99	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
530	21H-018.91	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
531	98A-440.27	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
532	98K-6008	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
533	29C-901.85	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
534	30K-021.30	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
535	98F-010.65	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
536	98A-533.59	Quốc lộ 37	Xã Hiệp Hoà
537	98A-796.12	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
538	99B-063.96	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
539	29C-077.57	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
540	99A-768.27	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
541	98G-004.12	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
542	36K-415.05	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
543	98A-753.37	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
544	98A-472.53	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
545	98A-943.81	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
546	34C-418.27	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
547	99E-413.60	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
548	98A-591.77	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
549	89H-039.15	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
550	98C-267.91	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
551	29Z-9672	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
552	99A-042.90	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
553	98A-093.58	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
554	98A-387.45	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
555	98A-764.84	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
556	79A-428.63	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
557	98A-290.04	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
558	98C-364.58	Đường tỉnh 288	Xã Hiệp Hoà
559	30M-909.14	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
560	30F-446.08	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
561	98h-045.73	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
562	12c-048.95	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
563	30E-724.60	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
564	98A-22222	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
565	30M-909.14	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
566	29E-087.45	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
567	19A-772.59	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
568	98A-492.90	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
569	30F-952.25	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên

570	29K-300.59	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
571	98C-368.12	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
572	30G-991.27	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
573	30M-031.43	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
574	99A-760.161	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
575	17A-331.10	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
576	35B-011.63	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
577	29A-371.23	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
578	98C-301.76	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
579	98A-842.46	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
580	30F-275.36	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
581	98H1-141.84	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
582	99A-638.32	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
583	98R-035.37	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
584	99A-146.15	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
585	99H-107.32	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
586	98A-517.95	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
587	98AF-102.00	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
588	98A-318.13	Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
589	99B-071.88	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
590	98A-502.42	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
591	98A-396.12	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
592	99RM-004.92	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
593	98R-032.30	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
594	98RM-036.89	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
595	98A-908.52	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
596	98C1-257.29	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
597	99RM-004.97	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
598	98A-023.01	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
599	98B3-891.53	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
600	29E-512.30	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
601	29A-326.08	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
602	98C-155.65	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
603	98A-752.74	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
604	98A-594.81	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
605	98B3-019.41	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
606	99C-237.41	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
607	99A-456.52	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
608	98B3-134.12	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
609	98RM-010.90	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
610	98RM-035.77	Quốc lộ 17	xã Yên Thế

611	98A-145.79	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
612	98C1-204.36	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
613	12H-016.03	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
614	98H1-359.99	Quốc lộ 17	xã Yên Thế
615	14H-100.46	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
616	30G-161.28	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
617	99A-125.50	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
618	99A-221.97	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
619	99A-595.68	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
620	99A-783.08	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
621	99A-821.08	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
622	99H-050.78	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
623	99H-080.41	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
624	99D1-344.06	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
625	99D1-201.64	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
626	99H-082.25	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
627	99G1-673.50	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
628	99C-169.38	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
629	98B2-904.22	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
630	99D1-305.83	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
631	20B-213.81	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
632	99AA-523.53	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
633	99A-203.98	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
634	99A-262.64	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
635	99A-303.21	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
636	99C1-058.62	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
637	15H-130.59	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
638	99G1-252.70	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
639	98B-112.43	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
640	29LD-319.45	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
641	88A-822.43	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
642	99D1- 076.35	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
643	99AH- 041.25	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
644	99B1- 261.29	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
645	99A- 992.85	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
646	99D1- 201.92	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
647	99B1- 062.30	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
648	99A- 338.39	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
649	99A- 952.85	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
650	99A- 707.57	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
651	29C- 994.18	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa

652	99G1- 648.95	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
653	99A - 912.55	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
654	99H- 072.28	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
655	99C - 16959	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
656	99AA - 38139	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
657	99F1- 10214	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
658	99AA - 460.15	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
659	99B1- 475.39	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
660	99G1- 673.20	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
661	99D1 – 10193	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
662	99B1 - 201.35	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
663	99D1 - 513.11	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
664	98D1- 835.45	Đường tỉnh 286	xã Tam Đa
665	30K-22769	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
666	99A-818.13	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
667	29H766.88	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
668	30L-290.29	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
669	99K-3888	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
670	14A-448.38	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
671	99H-087.21	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
672	99C-316.33	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
673	30Y-3152	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
674	29C-500.01	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
675	99B- 128.30	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
676	30A - 365.04	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
677	20AA - 374.33	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
678	29K -072.35	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
679	98B -097.47	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
680	29K - 014.82	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
681	29C - 754.01	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
682	99A -413.72	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
683	99H - 097.76	Đường tỉnh 295	phường Đồng Nguyên
684	99A-41308	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
685	30Z-7914	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
686	30A-22855	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
687	30F-59326	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
688	99A-62797	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
689	30B-22450	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
690	30K-58325	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
691	99A-19574	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
692	15K-24831	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu

693	30G-02254	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
694	15A-96123	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
695	34A-87507	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
696	29H-43611	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
697	98A-89241	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
698	50E-54992	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
699	29H-95007	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
700	99A-44115	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
701	15A-71655	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
702	99A-04906	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
703	99A-17667	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
704	99C-173.47	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
705	14A-424.87	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
706	98A-201.90	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
707	20A-561.78	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
708	99C-133.35	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
709	34A-426.55	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
710	99E-013.78	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
711	99H-099.92	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
712	99A-745.66	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
713	29E-291.37	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
714	98E-006.75	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
715	30H-525.25	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
716	99B-082.61	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
717	36A-874.05	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
718	99A-792.48	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
719	34A-942.40	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
720	29E-113.45	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
721	20C-296.55	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
722	30K-777.22	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
723	20A-601.07	Km 6+800, QL18	phường Phương Liễu
724	30H - 728.61	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
725	30H - 643.03	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
726	12A - 299.78	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
727	29C - 240.59	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
728	29A - 283.79	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
729	35A - 167.73	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
730	20C - 114.96	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
731	30E - 444.58	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
732	29K - 147.18	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
733	99A - 746.51	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng

734	29D - 589.25	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
735	12A - 124.00	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
736	29H - 622.40	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
737	14A - 722.23	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
738	29H - 926.56	Đường tỉnh 287	xã Đại Đồng
739	34A19270	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
740	99H03210	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
741	99E01793	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
742	99A86829	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
743	99H07824	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
744	34A34182	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
745	99H09265	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
746	34E01160	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
747	17A18955	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
748	99A67882	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
749	29E44839	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
750	98H07780	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
751	34A44933	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
752	34A92613	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
753	30K62540	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
754	29D07064	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
755	88A69159	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
756	30H49440	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
757	99A23648	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
758	30H23805	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
759	99A67814	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
760	30G15472	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
761	34A88058	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
762	99A88267	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
763	34C11900	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
764	89B01137	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
765	89H04239	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
766	98A74827	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
767	29H80578	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
768	29H40489	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
769	30K79843	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
770	29H78233	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
771	29H80711	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
772	99H80959	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
773	89C21641	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
774	99H02726	Quốc lộ 17	phường Mão Điền

775	99A77859	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
776	99C25181	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
777	99A69771	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
778	99A49661	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
779	89A22385	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
780	99A45202	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
781	99A68019	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
782	89A18184	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
783	88H02570	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
784	34A98837	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
785	89D01444	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
786	11D00384	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
787	15C43452	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
788	99A56456	Đường tỉnh 276	phường Thuận Thành
789	30F27614	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
790	29D58349	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
791	89C28767	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
792	60C42358	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
793	99A54769	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
794	99A76698	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
795	99H08451	Quốc lộ 17	phường Mão Điền
796	20E-002.96	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
797	29L1-688.95	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
798	30M-487.85	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
799	89C-039.63	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
800	99A-440.09	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
801	99A-618.11	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
802	99AA-192.26	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
803	99F-005.81	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
804	99H1-287.83	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
805	99K1-402.46	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
806	99C-184.34	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
807	99A-884.03	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
808	99K1-335.08	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
809	99AK-024.70	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
810	34A-615.51	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
811	99K1-110.41	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
812	99F2-0424	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
813	99AK-027.62	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
814	29D1-121.92	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
815	99AH-040.81	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao

816	98B2-840.46	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
817	12L1-300.36	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
818	99AK-055.55	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
819	29C-379.47	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
820	34H1-021.76	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
821	99H-097.92	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
822	99K1-113.86	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
823	99BD-166.92	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
824	99K1-394.82	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
825	26AL-030.36	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
826	30B-011.57	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
827	99K1-077.75	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
828	99A-644.69	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
829	29E-097.94	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
830	30M-255.86	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
831	30E-349.29	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
832	99A-758.37	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
833	99H1-194.00	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
834	99AK-057.30	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
835	99B-037.02	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
836	99A-798.68	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
837	99AF-088.10	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
838	34A-418.30	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
839	29E-197.53	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
840	99K1-408.58	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
841	99L5-3463	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
842	99D-018.57	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
843	29E-405.42	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
844	98A-628.58	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
845	99AF-103.90	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
846	30A-43086	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
847	30H-374.89	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
848	99B-09678	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
849	99H1-397.53	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
850	99H1-177.66	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
851	99K1-426.31	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
852	99K1-322.94	Đường tỉnh 284	xã Lâm Thao
853	20H-04821	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
854	30A-95267	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
855	99C-31046	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
856	99A-13111	Quốc lộ 17	xã Gia Bình

857	99AA-85120	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
858	99A-75825	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
859	20H-01229	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
860	20H-02315	Quốc lộ 17	xã Gia Bình
861	12H1-144.28	Quốc lộ 1A	xã Kép
862	12H1-173.07	Quốc lộ 1A	xã Kép
863	12H1-493.62	Quốc lộ 1A	xã Kép
864	12HA-072.88	Quốc lộ 1A	xã Kép
865	12X1-255.88	Quốc lộ 1A	xã Kép
866	90K1-3543	Quốc lộ 1A	xã Kép
867	98AA-357.05	Quốc lộ 1A	xã Kép
868	98B1-621.11	Quốc lộ 1A	xã Kép
869	12AA-105.34	Quốc lộ 1A	xã Kép
870	12AA-482.27	Quốc lộ 1A	xã Kép
871	12H1-139.91	Quốc lộ 1A	xã Kép
872	12HA-111.30	Quốc lộ 1A	xã Kép
873	98C-365.35	Quốc lộ 1A	xã Kép
874	15G1-03066	Quốc lộ 1A	xã Kép
875	12AA-313.40	Quốc lộ 1A	xã Kép
876	12H1-299.76	Quốc lộ 1A	xã Kép
877	35B2-753.59	Quốc lộ 1A	xã Kép
878	98B3-342.36	Quốc lộ 1A	xã Kép
879	98AF-028.37	Quốc lộ 1A	xã Kép
880	14Aa-74525	Quốc lộ 1A	xã Kép
881	12H1-49362	Quốc lộ 1A	xã Kép
882	12AA-48115	Quốc lộ 1A	xã Kép